

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG
TỈNH TUYỀN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **128** /2022/HNGĐ-ST

Ngày 18 / 7 /2022

V/v “*Chia tài sản chung sau ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG, TỈNH TUYỀN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đào Thị Thu Thủy**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Lê Thị Thảo** và bà **Lý Thị Nhân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Kim Tuyến** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyền Quang, tỉnh Tuyền Quang.

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyền Quang tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Hương Thảo** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và 18 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyền Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 84/2021/HNGĐ-ST ngày 01/4/2021 về việc tranh chấp Chia tài sản chung sau ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/3/2022, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Khánh D**, sinh năm 1979

Địa chỉ: Số nhà 0, tổ dân phố 0, phường T, thành phố T, tỉnh T.

* *Bị đơn:* Chị **Phan Thị L**, sinh năm 1985

Địa chỉ: Căn nhà 0 tòa A – Nhà B, phường T, quận T, thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn - anh Nguyễn Khánh D trình bày:

Anh và chị Phan Thị L trước kia là vợ chồng nhưng đã được TAND thành phố Tuyền Quang giải quyết ly hôn vào năm 2016. Khi giải quyết ly hôn, Tòa án chưa giải quyết về tài sản chung và vay nợ chung của anh và chị L. Trong thời gian khi còn là vợ chồng, anh và chị L cùng tạo lập được khối tài sản chung là diện tích đất đã được UBND thành phố Tuyền Quang cấp Giấy CNQSD đất số BD 864761, ngày 26/4/2012 mang tên hộ ông Nguyễn

Khánh D và bà Phan Thị L, địa chỉ thửa đất tại thôn V, xã A, phường A), thành phố T, tỉnh T. Tại thời điểm năm 2014, do cần tiền làm ăn kinh doanh nên anh và chị L cùng thống nhất vay số tiền 200.000.000 đồng tại Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam, chi nhánh T. Ngày 07/7/2014, có lập Hợp đồng thế chấp tại Phòng công chứng số 1 tỉnh T quyền sử dụng đất đã được cấp GCNQSSD đất mang tên anh và chị Phan Thị L đối với thửa đất này cho Ngân hàng. Cũng trong thời gian này anh và chị L phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, trong đó có nguyên nhân làm ăn thua lỗ dẫn đến không trả được số tiền nợ gốc và nợ lãi cho ngân hàng và hậu quả bỏ mặc cho tiền lãi phát sinh. Năm 2016, anh và chị L được TAND thành phố Tuyên Quang giải quyết ly hôn nhưng chưa giải quyết về tài sản chung và vay nợ chung. Sau đó do Ngân hàng liên tục thúc giục anh phải trả tiền nợ cho Ngân hàng nên anh đã nhờ em dâu anh là chị Hoàng Thu S, cùng trú tại số nhà 0, tổ 0 cũ, phường T đứng ra trả giúp số tiền còn nợ Ngân hàng cả gốc và lãi là 140.948.800 đồng. Ngày 17/3/2016, được Ngân hàng đồng ý cho chị S trả nợ thay, chị S đã trực tiếp cùng anh đến Ngân hàng trả hết số tiền trên. Ngân hàng đã trả cho anh Giấy CNQSD đất đã nêu trên và đã xóa thế chấp vào ngày 18/3/2016. Khoản tiền anh nhờ chị S trả nợ cho Ngân hàng thay cho anh và chị L từ đó cho đến nay anh và chị L vẫn chưa trả được cho chị S.

Nay anh khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất nêu trên, đề nghị Toà án giải quyết cụ thể: Anh và chị L cùng có nghĩa vụ trả cho chị Hoàng Thu S số tiền 140.948.800 đồng, chia ra mỗi người trả 1/2, số tiền còn lại mới chia tài sản chung mỗi người $\frac{1}{2}$ giá trị, vì thực tế nếu chị S không trả thay anh và chị L khoản nợ cho Ngân hàng thì đến nay dư nợ đã vượt quá giá trị là quyền sử dụng đất thế chấp nêu trên, không còn tài sản để mà chia nữa.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải, bị đơn - chị Phan Thị L trình bày:

Trong thời gian còn là vợ chồng với anh Nguyễn Khánh D anh chị cùng nhau tạo lập được tài sản là diện tích đất được cấp GCNQSD đất số BĐ 864761 tại thôn V, xã A, phường A, thành phố T. Năm 2014, do cần tiền làm ăn, anh chị có vay 200.000.000 đồng của Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam, chi nhánh T và có đăng ký thế chấp diện tích đất nêu trên tại Phòng công chứng số 01 tỉnh Tuyên Quang cho ngân hàng; thời hạn vay 12 tháng, lãi suất chị không nhớ chính xác; mục đích vay kinh doanh. Hàng tháng chị là người trả 01 phần tiền gốc và tiền lãi cho ngân hàng. Năm 2015, chị và anh Nguyễn Khánh D ly hôn tại TAND thành phố Tuyên Quang, tuy nhiên khi giải quyết ly hôn thì phần vay nợ chung của chị và anh D chưa được giải quyết, chính vì vậy dư nợ khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam, chi nhánh T vẫn còn vì chưa hết hạn thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng. Sau khi ly hôn chị không thấy Ngân hàng thông báo về việc chị phải trả tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng và chị cũng không đến ngân hàng để hỏi về nội dung này vì chị đã có gia đình mới, đang điều trị tại Bệnh viện phụ sản Hà Nội để sinh con. Từ đó cho đến nay chị không thấy ngân hàng đôn đốc hay thúc giục chị phải trả số tiền nợ gốc và nợ lãi đã vay. Nay anh Nguyễn Khánh D

khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn đối với diện tích đất tại thôn V, xã A, thành phố T, tỉnh T (đã được thế chấp tại Ngân hàng), lúc này chị mới biết việc chị Hoàng Thu S là em dâu của anh D đã trả vào Ngân hàng số tiền 140.948.800 đồng và rút Giấy CNQSD đất mang tên hộ ông Nguyễn Khánh D và bà Phan Thị L để cầm giữ. Nay chị Hoàng Thu S yêu cầu Toà án giải quyết buộc chị và anh D cùng phải trả cho chị số tiền mà chị đã trả cho Ngân hàng thay vợ chồng chị 140.948.800 đồng, sau đó số còn lại mới được chia tài sản chung chị hoàn toàn không nhất vì chị không thoả thuận với chị S về việc chị phải trả nợ thay cho chị, chị cũng không uỷ quyền cho chị Sinh để chị S rút Giấy CNQSD đất đã thế chấp tại Ngân hàng. Đối với yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Khánh D, nếu không thoả thuận về giá trị tài sản là quyền sử dụng đất thì chị đề nghị Toà án căn cứ giải quyết chia đôi giá trị tài sản, chị có nguyện vọng được sử dụng diện tích đất này, chị có nghĩa vụ trả chênh lệch tài sản cho anh D $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản bằng tiền mặt. Chị L tự định giá diện tích đất tranh chấp hiện tại là 400.000.000 đồng.

Tại phiên tòa:

Anh Nguyễn Khánh D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung là quyền sử dụng 78,1m² đất trị giá 390.500.000 đồng (theo kết luận của Hội đồng định giá trong tổ tụng dân sự) thuộc thửa 00, tờ bản đồ số 00, địa chỉ thửa đất tại thôn V nay là tổ dân phố 0, phường A, thành phố T; đất đã được UBND thành phố Tuyên Quang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BĐ 864761 ngày 26/4/2012 mang tên hộ ông Nguyễn Khánh D và bà Phan Thị L. Anh D đề nghị được là người sử dụng đất, trừ đi số tiền phải trả cho chị S là 140.000.000 đồng thì anh sẽ trả cho chênh lệch giá trị tài sản còn lại cho chị L theo kết luận của Hội đồng định giá.

Chị Phan Thị L thừa nhận chị và anh D vay vốn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – chi nhánh T theo Hợp đồng số 00/2014-HĐTD-PGD PT/NHCT174 ngày 08/7/2014. Chị trình bày thêm: Chị và anh D đã ly hôn vào tháng 11/2015, sau đó chị vẫn tiếp tục trả nợ gốc + lãi định kỳ cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – chi nhánh T đến tháng 4/2016 thì chị nghỉ thai sản nên dừng việc trả tiền cho Ngân hàng. Từ đó chị không nhận được thông báo nào từ phía Ngân hàng hoặc từ anh D về việc phải tiếp tục trả tiền cho Ngân hàng hoặc đã trả nợ xong cho Ngân hàng và ai đã trả, thực tế chị không nhờ chị S trả nợ hộ và chị cũng không vay nợ gì của chị S. Chị tưởng rằng anh D đã lấy tiền thu nhập từ khu vui chơi của gia đình mà trước đây trong thời kỳ hôn nhân chị có đầu tư để trả nợ xong cho Ngân hàng vì đó là nợ chung của chị và anh D trong thời kỳ hôn nhân.

Về giá trị tài sản chung là quyền sử dụng đối với diện tích 78,1m² đất thuộc thửa số 00, tờ bản đồ 00, đã được UBND thành phố Tuyên Quang cấp Giấy CNQSD đất số phát hành BĐ 000 ngày 26/4/2012 mang tên hộ ông Nguyễn Khánh D và bà Phan Thị L, địa chỉ thửa đất tại tổ 0, phường A, thành phố T. Chị nhất trí giá trị thửa đất là 390.500.000 đồng theo kết luận của hội đồng định giá trong tổ tụng dân sự. Chị xin được sử dụng diện tích đất này để làm nhà ở và sẽ trả chênh lệch $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản cho anh Nguyễn Khánh D.

Về yêu cầu trả tiền của chị Hoàng Thu S: Việc chị S trả tiền cho Ngân hàng không liên quan gì đến chị vì thực tế nếu chị S không trả thì chị có lương giảng viên cũng sẽ trả được tiền cho Ngân hàng hoặc nếu không trả được thì chị sẽ đề nghị Ngân hàng phát mại tài sản để trả nợ. Nay thực tế đã như vậy thì chị cũng thiện chí đồng ý trả $\frac{1}{2}$ còn D phải trả $\frac{1}{2}$ số tiền 140.000.000 đồng chị S đã trả cho Ngân hàng.

Anh D có ý kiến: Nếu chị L có nhu cầu sử dụng tài sản là diện tích 78,1m² đất thuộc thửa số 00, tờ bản đồ 00 tại tổ 0, phường A, thành phố T thì anh đồng ý với điều kiện anh trị giá theo thị trường hiện nay là 700.000.000 đồng, chị L phải trả cho chị S 140.000.000 đồng và trả chênh lệch cho anh $\frac{1}{2}$ giá trị còn lại.

Chị L có ý kiến: Nếu anh D có nhu cầu sử dụng tài sản là diện tích 78,1m² đất thuộc thửa số 00, tờ bản đồ 00 tại tổ 0, phường A thì chị cũng đồng ý và chị tự trị giá tài sản là 500.000.000 đồng, anh D phải trả cho chị S 140.000.000 đồng và trả chênh lệch cho chị $\frac{1}{2}$ giá trị còn lại là 180.000.000 đồng với điều kiện anh D phải trả tiền cho chị ngay tại phiên tòa sơ thẩm.

Anh Nguyễn Khánh D đề nghị HĐXX tạm ngừng phiên tòa trong thời gian 07 ngày để anh thực hiện theo đề nghị thỏa thuận của chị Phan Thị L. Tuy nhiên, sau khi tạm ngừng phiên tòa, anh D không thực hiện được theo đề nghị thỏa thuận của chị L, anh xác định phải chuyển nhượng được quyền sử dụng diện tích 78,1m² đất thuộc thửa số 00, tờ bản đồ 00 tại tổ 0, phường A, thành phố T thì mới có tiền để trả chênh lệch giá trị tài sản cho chị L. Chị L xác định không thể thỏa thuận được với anh D về việc giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX xét xử theo nguyện vọng của chị.

Chị Hoàng Thu S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu độc lập, yêu cầu anh Nguyễn Khánh D và chị Phan Thị L hoàn trả cho chị số tiền 140.000.000 đồng (đã làm tròn) do chị nộp thay và đứng tên trên Giấy nộp tiền ngày 17/3/2016 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – chi nhánh Tuyên Quang theo Hợp đồng số 25/2014-HĐTD-PGD PT/NHCT174 ngày 08/7/2014. Anh chị D – L ai là người sử dụng tài sản thì trừ vào giá trị tài sản chung để trả cho chị 140.000.000 đồng, giá trị tài sản còn lại thì anh chị D – L chia nhau.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, của Hội đồng xét xử từ khi mở phiên tòa đến khi kết thúc đều thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án theo hướng: Căn cứ nhu cầu và tình trạng nơi ở, nơi sinh sống hiện tại và khả năng kinh tế của anh chị D – L, giao cho chị Phan Thị L là người được quyền trực tiếp sử dụng diện tích 78,1m² đất thuộc thửa số 00, tờ bản đồ 00 tại tổ 0, phường A, thành phố T; anh D và chị L có nghĩa vụ trả cho chị Hoàng Thu S số tiền 140.000.000 đồng. Do chị L được giao quyền sử dụng đất nên chị L là người phải thanh toán cho chị S số tiền 140.000.000 đồng nêu trên và trả $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản còn lại cho anh Nguyễn Khánh D.

Đề nghị HĐXX tuyên các đương sự phải chịu án phí dân sự có giá ngạch và được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Khánh D yêu cầu Toà án giải quyết chia tài sản chung sau ly hôn với chị Phan Thị L đối với tài sản là quyền sử dụng 78,1m² đất (trị giá 390.500.000 đồng theo kết luận của Hội đồng định giá trong tố tụng dân sự) thuộc thửa 00, tờ bản đồ số 00, địa chỉ thửa đất tại thôn V, xã Anay là tổ dân phố 0, phường A, thành phố T; đất đã được UBND thành phố Tuyên Quang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BĐ 000 ngày 26/4/2012 mang tên hộ ông Nguyễn Khánh D và bà Phan Thị L.

Yêu cầu khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung khởi kiện:

Anh Nguyễn Khánh D và chị Phan Thị L có tài sản chung là diện tích 78,1 m² đất thuộc thửa 00, tờ bản đồ số 00, địa chỉ thửa đất tại thôn V, xã A, phường A, thành phố T đất đã được UBND thành phố Tuyên Quang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BĐ 000 ngày 26/4/2012 mang tên hộ ông Nguyễn Khánh D và bà Phan Thị L. Năm 2014, anh chị D – L đã thế chấp quyền sử dụng đất này để vay số tiền 200.000.000 đồng của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – chi nhánh Tuyên Quang theo Hợp đồng tín dụng số 00/2014-HĐTD-PGD PT/NHCT174 ngày 08/7/2014. Sau đó, anh chị đã làm thủ tục ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang. Ngày 17/3/2016, anh D đã nhờ chị Hoàng Thu S trả hộ hết số dư nợ gốc + lãi cho Ngân hàng là 140.948.800 đồng, tất toán Hợp đồng tín dụng, xóa thế chấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên và đưa cho chị S cầm giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BĐ 000 ngày 26/4/2012 mang tên hộ ông Nguyễn Khánh D và bà Phan Thị L.

Ngày 01/02/2021, anh Nguyễn Khánh D khởi kiện đề nghị Tòa án thành phố Tuyên Quang giải quyết chia tài sản chung là quyền sử dụng 78,1 m² đất thuộc thửa 00, tờ bản đồ số 00, địa chỉ thửa đất tại thôn V, xã A, thành phố T đối với chị Phan Thị L là đồng sở hữu và trả cho chị Hoàng Thu S số tiền 140 triệu đồng.

Ngày 31/3/2021, chị Hoàng Thu S có Đơn khởi kiện với yêu cầu độc lập trong vụ án đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Khánh D và chị Phan Thị L cùng có nghĩa vụ trả cho chị số tiền 140.000.000 đồng chị trả nợ cho Ngân hàng Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – chi nhánh T vào ngày 17/3/2016 thay cho anh chị D – L.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ do các đương sự giao nộp có trong hồ sơ vụ án, HĐXX xét thấy: Quyền sử dụng 78,1 m² đất thuộc thửa 0, tờ bản đồ số 0, địa chỉ thửa đất tại thôn V, xã A, thành phố T, đất đã được UBND thành phố Tuyên Quang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BĐ 000 ngày 26/4/2012 mang tên hộ ông Nguyễn Khánh D và bà Phan Thị L là tài sản chung được anh chị D - L tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân. Việc anh chị lập Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất này trong việc vay vốn của Ngân hàng Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – chi nhánh T theo Hợp đồng tín dụng số 00/2014-HĐTD-PGD PT/NHCT174 ngày 08/7/2014 là hợp pháp. Sau khi ly hôn, anh D và chị L không chủ động trả nợ gốc + lãi phát sinh cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Việc anh D nhờ (được chị Hoàng Thu S nhất trí) trả thay anh chị số dư nợ gốc + lãi là 140.948.800 đồng không vi phạm đạo đức xã hội, phù hợp quy định của Luật tín dụng và Luật dân sự. Trường hợp chị S không nhất trí trả nợ hộ thì anh chị D – L vẫn phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho Ngân hàng theo đúng hợp đồng tín dụng đã ký kết. Việc Ngân hàng trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BĐ 000 ngày 26/4/2012 mang tên hộ ông Nguyễn Khánh D và bà Phan Thị L cho anh D là đúng chủ sở hữu hợp pháp, việc anh D giao cho chị Hoàng Thu S cầm giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không thông báo cho đồng sở hữu là chị Phan Thị L biết là thiếu sót, tuy nhiên không làm thay đổi hoặc ảnh hưởng đến giá trị quyền sử dụng đất đứng tên anh chị. Quá trình giải quyết vụ án, chị S đã giao nộp bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BĐ 000 ngày 26/4/2012 mang tên hộ ông Nguyễn Khánh D và bà Phan Thị L và Giấy nộp tiền ngày 17/3/2021 cho Tòa án làm căn cứ chứng minh cho yêu cầu độc lập của mình. Từ phân tích nhận định nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - anh Nguyễn Khánh D về việc chia tài sản chung là quyền sử dụng đất (trị giá 390.500.000 đồng theo kết luận của Hội đồng định giá trong tố tụng dân sự) thuộc thửa 00, tờ bản đồ số 00, địa chỉ thửa đất tại thôn V, xã A, thành phố T; yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – chị Hoàng Thu S; nguyện vọng được sử dụng tài sản và trả chênh lệch giá trị tài sản cho nguyên đơn của bị đơn – chị Phan Thị L là có căn cứ nên chấp nhận. Hội đồng xét xử xử như sau:

Giao cho chị Phan Thị L được quyền sử dụng diện tích 78,1 m² đất ở thuộc thửa 0, tờ bản đồ số 0, địa chỉ thửa đất tại thôn V xã A, thành phố T, đất đã được UBND thành phố Tuyên Quang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BĐ 000 ngày 26/4/2012 mang tên hộ ông Nguyễn Khánh D và bà Phan Thị L, trị giá 390.500.000 đồng.

Do anh Nguyễn Khánh D và chị Phan Thị L phải có nghĩa vụ trả cho chị Hoàng Thu S số tiền 140.000.000 đồng và chị L là người được giao quyền sử dụng tài sản chung sau ly hôn nên chị L phải hoàn trả cho chị Hoàng Thu S số tiền 140.000.000 đồng và phải trả chênh lệch $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản là $(390.500.000đ - 140.000.000đ) : 2 = 125.250.000$ đồng cho anh Nguyễn Khánh D.

[3] Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – Nguyễn Khánh D yêu cầu Tòa án chia tài sản chung sau ly hôn và đề nghị thẩm định tại chỗ + định giá tài sản đối với diện tích đất có tranh chấp. Anh D đã nộp tiền tạm ứng chi phí thẩm định, định giá là

1.900.000đ (*Một triệu chín trăm nghìn đồng*). Do phần tài sản chung được Toà án phân chia nên anh chị D – L đều phải chịu chi phí tố tụng. Chị Phan Thị L phải hoàn trả cho anh Nguyễn Khánh D $\frac{1}{2}$ số tiền này là $(1.900.000 \text{ đồng} : 2) = 950.000\text{đ}$ (*Chín trăm năm mươi nghìn*).

[4] Về án phí: Anh Nguyễn Khánh D và chị Phan Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với phần giá trị tài sản được phân chia và nghĩa vụ hoàn trả tiền cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28; 35; 39; 147; 157; 158; 165; 166; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 33, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chị Phan Thị L được quyền sử dụng diện tích 78,1 m² đất ở, trị giá 390.500.000 đồng, thuộc thửa 00, tờ bản đồ số 00, địa chỉ thửa đất tại thôn V, xã A, thành phố T, đất đã được UBND thành phố Tuyên Quang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BĐ 000 ngày 26/4/2012 mang tên hộ ông Nguyễn Khánh D và bà Phan Thị L

2. Chị Phan Thị L có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Hoàng Thu S số tiền 140.000.000đ (*Một trăm bốn mươi triệu đồng*) và phải trả chênh lệch $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản còn lại là 125.250.000đ (*Một trăm hai mươi lăm triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng*) cho anh Nguyễn Khánh D.

3. Chị Phan Thị L phải trả cho anh Nguyễn Khánh D $\frac{1}{2}$ số tiền chi phí tố tụng là 950.000đ (*Chín trăm năm mươi nghìn*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về án phí:

Anh Nguyễn Khánh D và chị Phan Thị L mỗi người phải nộp 9.762.500đ (*Chín triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng*) án phí dân sự có giá ngạch.

5. Về quyền kháng cáo:

Anh Nguyễn Khánh D và chị Phan Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Hoàng Thu S và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – chi nhánh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang (02 bản);
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- Các đ-ơng sự;
- L- u hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đào Thị Thu Thủy

